

**BỘ GIAO THÔNG
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 53/2005/QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2005

**QUYẾT ĐỊNH
Về báo hiệu hàng hải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quyết định này quy định về báo hiệu hàng hải, đầu tư xây dựng và quản

lý vận hành báo hiệu hàng hải trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

2. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Tàu thuyền bao gồm tàu biển, tàu quân sự, tàu công vụ, tàu cá, phương tiện thủy nội địa và thủy phi cơ.

2. Thông báo hàng hải là văn bản có chứa các thông tin cung cấp cho người đi biển nhằm mục đích bảo đảm an toàn hàng hải.

3. Báo hiệu hàng hải là thiết bị hoặc công trình được thiết lập để chỉ dẫn cho người đi biển định hướng và xác định vị trí của tàu thuyền.

4. Đèn biển là báo hiệu hàng hải được xây dựng cố định tại các vị trí cần thiết ven bờ biển, trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam.

5. Đăng tiêu là báo hiệu hàng hải được thiết lập cố định tại các vị trí cần thiết để báo hiệu luồng hàng hải, báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm, bãi cạn hay báo hiệu một vị trí đặc biệt nào đó.

6. Chập tiêu là báo hiệu hàng hải gồm tối thiểu 2 đăng tiêu biệt lập, tạo thành một hướng ngắm cố định.

7. Đèn hướng là báo hiệu hàng hải phát tín hiệu ánh sáng có đặc tính, màu sắc khác nhau trong phạm vi cung chiếu sáng xác định.

8. Tiêu radar (Racon) là báo hiệu hàng hải để thu, phát tín hiệu vô tuyến điện trên các dải tần số của radar hàng hải.

9. Báo hiệu hàng hải AIS là trạm AIS được lắp đặt để truyền phát thông tin về một báo hiệu hàng hải. AIS là hệ thống nhận dạng tự động truyền phát thông tin giữa các trạm AIS với nhau, hoạt động trên các dải tần số VHF.

10. Ánh sáng chớp là ánh sáng trong đó tổng thời gian sáng trong một chu kỳ ngắn hơn tổng thời gian tối và thời gian các chớp sáng bằng nhau.

11. Ánh sáng chớp đều là ánh sáng chớp trong đó tất cả các khoảng thời gian sáng và thời gian tối bằng nhau.

12. Ánh sáng chớp dài là ánh sáng chớp trong đó thời gian chớp không nhỏ hơn 2,0 giây.

13. Ánh sáng chớp nhanh là ánh sáng chớp trong đó các chớp được lặp lại với tần suất từ 50 lần đến dưới 80 lần trong một phút.

14. Ánh sáng chớp rất nhanh là ánh sáng chớp trong đó các chớp được lặp lại với tần suất từ 80 lần đến dưới 160 lần trong một phút.

15. Ánh sáng chớp đơn là ánh sáng chớp trong đó một chớp được lặp lại đều đặn với tần suất ít hơn 50 lần trong một phút.

16. Ánh sáng chớp nhóm là ánh sáng chớp được phát theo nhóm với chu kỳ xác định.

17. Ánh sáng chớp nhóm hỗn hợp là ánh sáng chớp nhóm kết hợp các nhóm chớp khác nhau với chu kỳ xác định.

Điều 3. Hướng luồng hàng hải

1. Luồng hàng hải từ biển vào cảng, phía tay phải là phía phải luồng, phía tay trái là phía trái luồng.

2. Luồng hàng hải trên biển, hướng được xác định như sau:

a) Theo hướng từ Bắc xuống Nam, phía tay phải là phía phải luồng, phía tay trái là phía trái luồng;

b) Theo hướng từ Đông sang Tây, phía

tay phải là phía phải luồng, phía tay trái là phía trái luồng;

c) Trường hợp khác, hướng luồng hàng hải do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam quyết định.

Điều 4. Phía khống chế của báo hiệu hàng hải

1. Theo hướng luồng hàng hải, báo hiệu bên phải khống chế phía phải luồng, báo hiệu bên trái khống chế phía trái luồng.

2. Theo phương địa lý:

a) Phía Bắc khống chế từ 315° đến 045°;

b) Phía Đông khống chế từ 045° đến 135°;

c) Phía Nam khống chế từ 135° đến 225°;

d) Phía Tây khống chế từ 225° đến 315°.

Chương II

BÁO HIỆU HÀNG HẢI

Mục 1

PHÂN LOẠI BÁO HIỆU HÀNG HẢI

Điều 5. Phân loại báo hiệu hàng hải

Báo hiệu hàng hải bao gồm các loại sau đây:

1. Báo hiệu thị giác cung cấp thông tin báo hiệu bằng hình ảnh vào ban ngày, ánh sáng vào ban đêm. Báo hiệu thị giác bao gồm đèn biển, đăng tiêu, chập tiêu, báo hiệu hai bên luồng, báo hiệu chuyển hướng luồng, báo hiệu phương vị, báo hiệu chướng ngại vật biệt lập, báo hiệu vùng nước an toàn, báo hiệu chuyên dùng, báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện;

2. Báo hiệu vô tuyến điện cung cấp thông tin báo hiệu bằng tín hiệu vô tuyến điện. Báo hiệu vô tuyến điện bao gồm Racon, báo hiệu hàng hải AIS và các loại báo hiệu vô tuyến điện khác;

3. Báo hiệu âm thanh cung cấp thông tin báo hiệu bằng tín hiệu âm thanh. Báo hiệu âm thanh bao gồm còi báo hiệu và các loại báo hiệu âm thanh khác.

Mục 2

BÁO HIỆU THỊ GIÁC

Điều 6. Đèn biển

1. Đèn biển phải bảo đảm các yêu cầu cơ bản sau đây:

a) Vị trí đặt đèn biển phải bảo đảm thuận lợi cho người đi biển định hướng và xác định vị trí;

b) Màu sắc, hình dạng và kích thước

của đèn biển phải đảm bảo khả năng nhận biết dễ dàng bằng mắt thường hoặc bằng máy, thiết bị hàng hải;

c) Độ cao của đèn biển được tính từ mực nước “số 0 hải đồ”;

d) Đặc tính ánh sáng của đèn biển phải rõ ràng, dễ phân biệt với ánh sáng của các báo hiệu hay nguồn sáng khác xung quanh. Trong phạm vi 70 hải lý, đặc tính ánh sáng của các đèn biển không được trùng lặp. Đặc tính ánh sáng sử dụng cho đèn biển là ánh sáng trắng, chớp đơn hoặc chớp nhóm, chớp nhóm hỗn hợp;

đ) Tâm hiệu lực ánh sáng của đèn biển từ 10 hải lý đến 25 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$.

2. Trên đèn biển có thể lắp đặt kết hợp các báo hiệu vô tuyến điện, báo hiệu âm thanh.

Điều 7. Đăng tiêu

1. Đăng tiêu phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Màu sắc của đăng tiêu phải bảo đảm dễ nhận biết và không gây nhầm lẫn với các báo hiệu khác xung quanh;

b) Độ cao của đăng tiêu được tính từ mực nước “số 0 hải đồ”;

c) Đặc tính ánh sáng của đăng tiêu khi được lắp đèn phải rõ ràng, dễ phân biệt với ánh sáng của các báo hiệu hay nguồn sáng khác xung quanh;

d) Tâm hiệu lực ánh sáng của đăng tiêu nhỏ hơn 10 hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$.

2. Trường hợp đăng tiêu dùng để báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm, bãi cạn hay báo hiệu một vị trí đặc biệt nào đó (được gọi là đăng tiêu độc lập) thì đặc tính ánh sáng sử dụng cho đăng tiêu là ánh sáng trắng, chớp đơn hoặc chớp nhóm, chớp nhóm hỗn hợp. Nếu đăng tiêu độc lập được lắp đèn hướng nhiều màu thì ánh sáng trắng chỉ vùng an toàn, ánh sáng xanh lục chỉ biên phía phải vùng an toàn, ánh sáng đỏ chỉ biên phía trái vùng an toàn hoặc vùng có chướng ngại vật nguy hiểm.

3. Trường hợp đăng tiêu là báo hiệu hai bên luồng hoặc báo hiệu chuyển hướng luồng thì đặc tính ánh sáng theo quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Quyết định này.

Điều 8. Chập tiêu

1. Chập tiêu có các tác dụng sau đây:

a) Báo hiệu trục luồng hàng hải;

b) Báo hiệu phần nước sâu nhất của một tuyến hàng hải;

c) Báo hiệu luồng hàng hải khi không có báo hiệu hai bên luồng hoặc báo hiệu hai bên luồng không đảm bảo yêu cầu về độ chính xác;

d) Báo hiệu hướng đi an toàn vào cảng hay cửa sông;

đ) Báo hiệu phân luồng giao thông hai chiều.

2. Chập tiêu phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Chiều cao của các tiêu trong một chập phải bảo đảm sao cho góc đứng từ mắt người quan sát tại bất kỳ điểm nào trong phạm vi tác dụng của chập tiêu đến điểm cao nhất của tiêu trước và tiêu sau vào ban ngày hoặc đến tâm đèn vào ban đêm phải nằm trong khoảng từ 3' đến 15';

b) Các tiêu trong một chập khi được lắp đèn phải có đặc tính ánh sáng giống nhau và chớp đồng bộ. Đặc tính ánh sáng sử dụng cho chập tiêu là ánh sáng trắng, chớp đơn hoặc chớp nhóm, chớp nhóm hỗn hợp.

Điều 9. Báo hiệu hai bên luồng

1. Báo hiệu phía phải luồng:

a) Vị trí: Đặt tại phía phải luồng;

b) Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía phải, tàu thuyền được phép hành trình ở phía trái của báo hiệu;

c) Hình dạng: Hình nón, hình tháp hoặc hình cột;

d) Màu sắc: Màu xanh lục;

đ) Dấu hiệu đỉnh: Một hình nón màu xanh lục, đỉnh hướng lên trên;

e) Số hiệu: Là các chữ số lẻ (1 - 3 - 5...)

màu trắng, số thứ tự tăng dần theo hướng luồng;

g) Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng xanh lục, chớp đơn chu kỳ 2,5 giây hoặc 3,0 giây, 4,0 giây.

2. Báo hiệu phía trái luồng:

a) Vị trí: Đặt tại phía trái luồng;

b) Tác dụng: Báo hiệu giới hạn luồng về phía trái, tàu thuyền được phép hành trình ở phía phải của báo hiệu;

c) Hình dạng: Hình trụ, hình tháp hoặc hình cột;

d) Màu sắc: Màu đỏ;

đ) Dấu hiệu đỉnh: Một hình trụ màu đỏ;

e) Số hiệu: Là các chữ số chẵn (2 - 4 - 6...) màu trắng, số thứ tự tăng dần theo hướng luồng;

g) Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng đỏ, chớp đơn, chu kỳ 2,5 giây hoặc 3,0 giây, 4,0 giây.

Điều 10. Báo hiệu chuyển hướng luồng

1. Báo hiệu hướng luồng chính chuyển sang phải:

a) Vị trí: Đặt tại phía trái luồng;

b) Tác dụng: Báo hiệu hướng luồng chính chuyển sang phải;

c) Hình dạng: Hình trụ, hình tháp hoặc hình cột;

d) Màu sắc: Màu đỏ với một dải màu xanh lục nằm ngang ở giữa có chiều cao bằng 1/3 chiều cao phần nổi của báo hiệu;

đ) Dấu hiệu đỉnh: Một hình trụ màu đỏ;

e) Số hiệu: Là các chữ số chẵn (2 - 4 - 6...) màu trắng, số thứ tự tăng dần theo hướng luồng;

g) Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng đỏ, chớp nhóm 2 + 1, chu kỳ 5,0 giây hoặc 6,0 giây, 10,0 giây, 12,0 giây.

2. Báo hiệu hướng luồng chính chuyển sang trái:

a) Vị trí: Đặt tại phía phải luồng;

b) Tác dụng: Báo hiệu hướng luồng chính chuyển sang trái;

c) Hình dạng: Hình nón, hình tháp hoặc hình cột;

d) Màu sắc: Màu xanh lục với một dải màu đỏ nằm ngang ở giữa có chiều cao bằng 1/3 chiều cao phần nổi của báo hiệu;

đ) Dấu hiệu đỉnh: Một hình nón màu xanh lục, đỉnh hướng lên trên;

e) Số hiệu: Là các chữ số lẻ (1 - 3 - 5...) màu trắng, số thứ tự tăng dần theo hướng luồng;

g) Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng xanh lục, chớp nhóm 2 + 1, chu kỳ 5,0 giây hoặc 6,0 giây, 10,0 giây, 12,0 giây.

Điều 11. Báo hiệu phương vị

1. Báo hiệu an toàn phía Bắc:

a) Vị trí: Đặt tại phía Bắc khu vực cần khống chế;

b) Tác dụng: Báo hiệu an toàn phía Bắc, tàu thuyền được phép hành trình ở phía Bắc của báo hiệu;

c) Hình dạng: Hình tháp hoặc hình cột;

d) Màu sắc: Nửa phía trên màu đen, nửa phía dưới màu vàng;

đ) Dấu hiệu đỉnh: Hai hình nón màu đen đặt liên tiếp nhau theo chiều thẳng đứng, đỉnh nón hướng lên trên;

e) Số hiệu: Lựa chọn theo đặc điểm khu vực hoặc chữ "N" màu trắng trên nền đen;

g) Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng trắng, chớp đơn rất nhanh chu kỳ 0,5 giây hoặc chớp đơn nhanh chu kỳ 1,0 giây.

2. Báo hiệu an toàn phía Đông:

a) Vị trí: Đặt tại phía Đông khu vực cần khống chế;

b) Tác dụng: Báo hiệu an toàn phía Đông, tàu thuyền được phép hành trình ở phía Đông của báo hiệu;

c) Hình dạng: Hình tháp hoặc hình cột;

d) Màu sắc: Màu đen với một dải màu vàng nằm ngang ở giữa có chiều cao bằng 1/3 chiều cao phần nổi của báo hiệu;

đ) Dấu hiệu đỉnh: Hai hình nón màu đen đặt liên tiếp nhau theo chiều thẳng đứng, đáy hình nón nối tiếp nhau;

e) Số hiệu: Lựa chọn theo đặc điểm khu vực hoặc chữ "E" màu đỏ trên nền vàng;

g) Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng trắng, chớp rất nhanh nhóm 3 chu kỳ 5,0 giây hoặc chớp nhanh nhóm 3 chu kỳ 10,0 giây.

3. Báo hiệu an toàn phía Nam:

a) Vị trí: Đặt tại phía Nam khu vực cần khống chế;

b) Tác dụng: Báo hiệu an toàn phía Nam, tàu thuyền được phép hành trình ở phía Nam của báo hiệu;

c) Hình dạng: Hình tháp hoặc hình cột;

d) Màu sắc: Nửa phía trên màu vàng, nửa phía dưới màu đen;

đ) Dấu hiệu đỉnh: Hai hình nón màu đen đặt liên tiếp nhau theo chiều thẳng đứng, đỉnh nón hướng xuống dưới;

e) Số hiệu: Lựa chọn theo đặc điểm khu vực hoặc chữ "S" màu đỏ trên nền vàng;

g) Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng trắng, chớp rất nhanh nhóm 6 với một chớp dài chu kỳ 10,0 giây hoặc chớp nhanh nhóm 6 với một chớp dài chu kỳ 15,0 giây.

4. Báo hiệu an toàn phía Tây:

a) Vị trí: Đặt tại phía Tây khu vực cần khống chế;

b) Tác dụng: Báo hiệu an toàn phía Tây, tàu thuyền được phép hành trình ở phía Tây của báo hiệu;

c) Hình dạng: Hình tháp hoặc hình cột;

d) Màu sắc: Màu vàng với một dải màu đen nằm ngang ở giữa có chiều cao bằng 1/3 chiều cao phần nổi của báo hiệu;

đ) Dấu hiệu đỉnh: Hai hình nón màu đen đặt liên tiếp nhau theo chiều thẳng đứng, đỉnh hình nón nối tiếp nhau;

e) Số hiệu: Lựa chọn theo đặc điểm khu vực hoặc chữ "W" màu trắng trên nền đen;

g) Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng trắng, chớp rất nhanh nhóm 9 chu kỳ 10,0 giây hoặc chớp nhanh nhóm 9 chu kỳ 15,0 giây.

Điều 12. Báo hiệu chương ngại vật biệt lập

1. Vị trí: Đặt tại vị trí nguy hiểm cần khống chế.

2. Tác dụng: Báo hiệu chương ngại vật biệt lập, tàu thuyền có thể hành trình xung quanh vị trí đặt báo hiệu.

3. Hình dạng: Hình tháp hoặc hình cột.

4. Màu sắc: Màu đen với một hay nhiều dải màu đỏ nằm ngang.

5. Dấu hiệu đỉnh: Hai hình cầu màu đen đặt liên tiếp nhau theo chiều thẳng đứng.

6. Số hiệu: Lựa chọn theo đặc điểm khu vực và có màu trắng.

7. Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng trắng chớp nhóm 2 chu kỳ 5,0 giây.

Điều 13. Báo hiệu vùng nước an toàn

1. Vị trí: Đặt tại đầu tuyến luồng hoặc đường trục luồng hàng hải.

2. Tác dụng: Báo hiệu vùng nước an toàn, tàu thuyền có thể hành trình xung quanh vị trí đặt báo hiệu.

3. Hình dạng: Hình cầu, hình tháp hoặc hình cột.

4. Màu sắc: Sọc thẳng đứng màu trắng và đỏ xen kẽ.

5. Dấu hiệu đỉnh: Một hình cầu màu đỏ, chỉ áp dụng đối với báo hiệu hình tháp hoặc hình cột.

6. Số hiệu: Theo số thứ tự (0 - 1 - 2...), màu đen.

7. Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng trắng chớp đều, chớp dài đơn chu kỳ 10,0 giây hoặc chớp theo tín hiệu Morse chữ "A" chu kỳ 6,0 giây.

Điều 14. Báo hiệu chuyên dùng

1. Tác dụng:

a) Báo hiệu phân luồng giao thông tại

những nơi mà nếu đặt báo hiệu hai bên luồng thông thường có thể gây nhầm lẫn;

b) Báo hiệu vùng khoan thăm dò địa chất, khai thác dầu mỏ, khí đốt;

c) Báo hiệu vùng đánh bắt, nuôi trồng hải sản;

d) Báo hiệu vùng công trình đang thi công;

đ) Báo hiệu vùng đặt đường cáp hoặc đường ống ngầm;

e) Báo hiệu vùng diễn tập quân sự;

g) Báo hiệu vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương;

h) Báo hiệu vùng giải trí, du lịch.

2. Hình dạng: Hình nón hoặc hình tháp, hình cột.

3. Màu sắc: Màu vàng.

4. Dấu hiệu đỉnh: Một chữ "X" màu vàng.

5. Số hiệu: Lựa chọn theo đặc điểm khu vực và có màu đỏ.

6. Đặc tính ánh sáng khi được lắp đèn: Ánh sáng vàng, chớp phải khác với chớp của các báo hiệu hàng hải được quy định tại các Điều 11, 12 và 13 của Quyết định này.

Điều 15. Báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện

1. Trường hợp báo hiệu những chướng

ngại vật nguy hiểm mới phát hiện như bãi bồi, bãi đá ngầm, xác tàu đắm và các chướng ngại vật khác mà chưa được ghi trên các tài liệu hàng hải thì đặt báo hiệu hai bên luồng với đặc tính chớp nhanh hoặc rất nhanh, hoặc báo hiệu phương vị. Nếu chướng ngại vật có mức độ nguy hiểm cao thì có thể đặt bổ sung một báo hiệu. Báo hiệu bổ sung phải giống hệt báo hiệu mà nó ghép cặp. Báo hiệu bổ sung này có thể được hủy bỏ khi những thông tin về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện đã được thông báo theo quy định.

2. Tại chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện có thể lắp đặt thêm Racon có mã tín hiệu phản hồi là mã Morse chữ "D". Chiều dài toàn bộ tín hiệu của mã Morse chữ "D" hiển thị trên màn hình radar tàu tương ứng 1 hải lý.

Điều 16. Đặc tính ánh sáng của báo hiệu thị giác

1. Ánh sáng chớp đơn:

a) Chu kỳ chớp từ 2,0 giây đến 15,0 giây;

b) Thời gian tối giữa hai lần chớp sáng không được nhỏ hơn ba lần thời gian của một chớp sáng.

2. Ánh sáng chớp nhóm:

a) Chu kỳ chớp từ 2,0 giây đến 20,0 giây đối với ánh sáng chớp nhóm 2; đến 30,0 giây đối với ánh sáng chớp nhóm 3 trở lên;

b) Thời gian tối giữa các chớp sáng trong một nhóm bằng nhau và nhỏ hơn thời gian tối giữa các nhóm;

c) Thời gian tối trong một nhóm không được nhỏ hơn thời gian của một chớp sáng;

d) Thời gian tối giữa các nhóm không được nhỏ hơn 3 lần thời gian tối trong một nhóm;

đ) Đối với ánh sáng chớp nhóm 2, tổng thời gian sáng và thời gian tối trong nhóm không được nhỏ hơn 1,0 giây;

e) Đối với ánh sáng chớp nhóm 3 trở lên, tổng thời gian sáng và thời gian tối trong một nhóm không được nhỏ hơn 2,0 giây;

g) Ánh sáng chớp nhóm sử dụng cho đèn biển, đăng tiêu và chập tiêu gồm ánh sáng chớp nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5.

3. Ánh sáng chớp nhóm hỗn hợp có chu kỳ chớp tối đa không lớn hơn 30,0 giây. Ánh sáng chớp nhóm hỗn hợp sử dụng cho đèn biển, đăng tiêu và chập tiêu gồm ánh sáng chớp nhóm 2 + 1 và nhóm 3 + 1.

Mục 3

BÁO HIỆU VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 17. Báo hiệu hàng hải AIS

1. Báo hiệu hàng hải AIS có các tác dụng sau đây:

a) Nhận dạng báo hiệu hàng hải trên màn hình AIS, radar tàu hoặc trạm radar hàng hải khác khi được kết nối với AIS;

b) Giám sát và điều khiển từ xa hoạt động của báo hiệu hàng hải;

c) Báo hiệu luồng hàng hải, vùng nước, phân luồng giao thông;

d) Báo hiệu công trình trên biển;

đ) Cung cấp dữ liệu về thời tiết, thủy triều và các đặc điểm khí tượng thủy văn khác.

2. Phân loại báo hiệu hàng hải AIS:

Báo hiệu hàng hải AIS gồm các loại sau đây:

a) Báo hiệu hàng hải AIS “thực” được đặt trên báo hiệu hàng hải và truyền phát thông tin về báo hiệu hàng hải đó;

b) Báo hiệu hàng hải AIS “giả” được đặt bên ngoài báo hiệu hàng hải và truyền phát thông tin về báo hiệu hàng hải đó;

c) Báo hiệu hàng hải AIS “ảo” được dùng để truyền phát thông tin về báo hiệu hàng hải không có thực.

3. Thông tin truyền phát của báo hiệu hàng hải AIS:

a) Thông tin về báo hiệu hàng hải bao gồm loại báo hiệu hàng hải, tên của báo hiệu hàng hải, vị trí của báo hiệu hàng

hải, độ chính xác vị trí của báo hiệu hàng hải, chỉ báo sai lệch vị trí của báo hiệu hàng hải nổi, kích thước của báo hiệu hàng hải, các thông số khác và tình trạng kỹ thuật của báo hiệu hàng hải;

b) Thông tin liên quan đến an toàn hàng hải;

c) Thông tin về tình hình khí tượng, thủy văn và các đặc điểm khác của vùng lân cận báo hiệu hàng hải;

d) Thông tin giám sát báo hiệu hàng hải.

4. Thời gian hoạt động của báo hiệu hàng hải AIS là 24 giờ/ngày.

Điều 18. Tiêu radar (Racon)

1. Racon có các tác dụng sau đây:

a) Báo hiệu ven biển, báo hiệu nhập bờ;

b) Báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm;

c) Báo hiệu chập tiêu vô tuyến điện hàng hải;

d) Báo hiệu các điểm quan trọng trên luồng hàng hải;

đ) Báo hiệu vị trí trên vùng biển khó nhận biết bằng radar tàu;

e) Báo hiệu tuyến hàng hải dưới cầu;

g) Báo hiệu công trình trên biển.

2. Mã nhận dạng của Racon:

a) Mã nhận dạng của Racon được đặt

theo dạng mã Morse, bao gồm toàn bộ chiều dài tín hiệu phản hồi của Racon;

b) Mã nhận dạng của Racon phải bảo đảm dễ nhận biết, được bắt đầu với một dấu gạch (-). Các mã nhận dạng của Racon được quy định trong Phụ lục II của Quyết định này;

c) Mã Morse chữ "D" là mã nhận dạng đặc biệt của Racon được dùng để báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện hoặc công trình trên biển chưa được đánh dấu trên hải đồ. Chiều dài toàn bộ tín hiệu của mã Morse "D" hiển thị trên màn hình radar tàu tương đương 1 hải lý;

d) Khi sử dụng Racon để báo hiệu khoảng thông thuyền dưới chân cầu cắt ngang luồng hàng hải, mã Morse chữ "T" báo hiệu bên phải khoảng thông thuyền, mã Morse chữ "B" báo hiệu bên trái khoảng thông thuyền.

3. Chu kỳ phát tín hiệu của Racon như sau:

- a) 15s ON + 30s OFF = 45s;
- b) 30s ON + 15s OFF = 45s;
- c) 20s ON + 40s OFF = 60s;
- d) 40s ON + 20s OFF = 60s;
- đ) 15s ON + 45s OFF = 60s;
- e) 45s ON + 15s OFF = 60s;
- g) 30s ON + 30s OFF = 60s.

(ON là thời gian phát tín hiệu, OFF là thời gian ngừng phát tín hiệu trong một chu kỳ hoạt động của Racon, s là giây).

4. Thời gian hoạt động của Racon là 24 giờ/ngày.

Mục 4

BÁO HIỆU ÂM THANH

Điều 19. Còi báo hiệu

1. Tác dụng: Còi báo hiệu được lắp đặt tại các vị trí nguy hiểm cho hàng hải ở khu vực thường xuyên có sương mù dày đặc làm giảm tầm nhìn xa.

2. Tần số âm: Lớn hơn 75Hz và nhỏ hơn 1.575Hz.

3. Đặc tính phát âm: Âm thanh được phát theo tín hiệu Morse; khoảng thời gian tối thiểu của âm ngắn là 0,75 giây.

4. Các tín hiệu âm thanh đặc biệt:

a) Mã Morse chữ "U" dùng để báo hiệu công trình trên biển;

b) Mã Morse chữ "D" dùng để báo hiệu chướng ngại vật nguy hiểm.

5. Điều kiện hoạt động: Còi báo hiệu sương mù được sử dụng khi tầm nhìn xa khí tượng trong khu vực nhỏ hơn hoặc bằng 2 hải lý.

Chương III

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Điều 20. Phân loại Thông báo hàng hải

Căn cứ vào mục đích sử dụng, Thông báo hàng hải được phân loại như sau:

1. Thông báo hàng hải về hoạt động của báo hiệu hàng hải:

a) Thông báo hàng hải về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải: Các báo hiệu hàng hải thị giác, vô tuyến điện, âm thanh sau khi được thiết lập phải được công bố Thông báo hàng hải về vị trí, tác dụng, đặc tính hoạt động của báo hiệu đó theo mẫu quy định tại Phụ lục III của Quyết định này;

b) Thông báo hàng hải về việc thay đổi đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải: Khi báo hiệu hàng hải được thay đổi đặc tính hoạt động so với đặc tính đã được thông báo thì phải công bố Thông báo hàng hải về các thay đổi đó theo mẫu quy định tại Phụ lục IV của Quyết định này;

c) Thông báo hàng hải về việc tạm ngừng hoạt động của báo hiệu hàng hải: Khi báo hiệu hàng hải không còn khả năng hoạt động theo đúng đặc tính đã được thông báo thì phải công bố Thông báo hàng hải về việc tạm ngừng hoạt

động của báo hiệu hàng hải đó theo mẫu quy định tại Phụ lục V của Quyết định này;

d) Thông báo hàng hải về việc phục hồi hoạt động của báo hiệu hàng hải: Sau khi đã sửa chữa xong sự cố của báo hiệu hàng hải thì phải công bố Thông báo hàng hải về việc phục hồi hoạt động của báo hiệu hàng hải đó theo mẫu quy định tại Phụ lục VI của Quyết định này;

đ) Thông báo hàng hải về việc chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải: Sau khi báo hiệu hàng hải không còn tác dụng, được thu hồi thì phải công bố Thông báo hàng hải về việc chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải đó theo mẫu quy định tại Phụ lục VII của Quyết định này.

2. Thông báo hàng hải về độ sâu luồng hàng hải, thủy diện cảng, khu neo đậu, quay trở tàu và các vùng nước khác theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII và Phụ lục IX của Quyết định này.

3. Thông báo hàng hải về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện: Khi có tai nạn, sự cố hàng hải gây chìm đắm tàu hoặc khi phát hiện có chướng ngại vật gây mất an toàn hàng hải thì phải công bố Thông báo hàng hải về các chướng ngại vật đó theo mẫu quy định tại Phụ lục X của Quyết định này.

4. Thông báo hàng hải về các khu vực

thi công công trình biển, khu vực biển hoạt động hạn chế hoặc cấm hoạt động hàng hải, khu vực diễn tập quân sự, khu vực đổ chất thải, khu vực cấm neo đậu và các khu vực cần thiết khác theo mẫu quy định tại Phụ lục XI của Quyết định này.

Điều 21. Nội dung và yêu cầu của Thông báo hàng hải

1. Nội dung của Thông báo hàng hải phải rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu và phản ánh một cách đầy đủ, chính xác các thông tin cần cung cấp.

2. Yêu cầu của Thông báo hàng hải:

a) Vị trí trong Thông báo hàng hải được lấy theo hệ tọa độ địa lý quốc gia Việt Nam VN-2000, đồng thời được tính chuyển sang hệ hải đồ và hệ WGS-84. Độ chính xác đến 1/10 giây.

b) Độ sâu trong Thông báo hàng hải là độ sâu của điểm cạn nhất trong khu vực cần được thông báo, tính bằng mét đến mực nước "số 0 hải đồ". Độ chính xác đến 1/10m.

c) Địa danh trong Thông báo hàng hải được lấy theo địa danh đã được ghi trên hải đồ hoặc trong các tài liệu hàng hải khác đã xuất bản. Trường hợp địa danh chưa được ghi trong các tài liệu nói trên thì sử dụng tên thường dùng của địa phương.

d) Thông báo hàng hải phải được công

bố kịp thời bằng văn bản, đồng thời được phát trên hệ thống các đài Thông tin duyên hải Việt Nam theo thời gian quy định. Thông báo hàng hải quy định tại khoản 1, 2 và 4 Điều 20 của Quyết định này được phát tối thiểu 2 lần trong một ngày và phát trong 3 ngày liên tục. Thông báo hàng hải quy định tại khoản 3 Điều 20 của Quyết định này được phát liên tục 4 lần trong một ngày cho đến khi có Thông báo hàng hải mới thay thế Thông báo hàng hải đó.

đ) Ngôn ngữ sử dụng trong Thông báo hàng hải là tiếng Việt. Khi được phát trên hệ thống các đài Thông tin duyên hải Việt Nam, phải sử dụng cả tiếng Việt và tiếng Anh.

Điều 22. Thẩm quyền công bố Thông báo hàng hải

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức công bố Thông báo hàng hải. Công ty bảo đảm an toàn hàng hải thực hiện việc công bố Thông báo hàng hải.

2. Thông tin trong Thông báo hàng hải có giá trị từ thời điểm công bố Thông báo hàng hải và hết giá trị khi có Thông báo hàng hải khác thay thế thông tin đó.

3. Khi phát hiện có sai sót về nội dung trong Thông báo hàng hải, công ty bảo đảm an toàn hàng hải phải kịp thời hiệu chỉnh và công bố lại Thông báo hàng hải.

0968818383
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684 * LawSoft

Điều 23. Cung cấp thông tin Thông báo hàng hải

1. Đối tượng quy định tại Điều 1 của Quyết định này được quyền yêu cầu cung cấp Thông báo hàng hải.

2. Tổ chức, cá nhân hoạt động trong vùng nước cảng biển và vùng biển của Việt Nam có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác cho công ty bảo đảm an toàn hàng hải các thông tin sau đây, nếu phát hiện được:

a) Sai lệch về vị trí hoặc đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải so với nội dung của Thông báo hàng hải đã công bố;

b) Các chướng ngại vật mới phát hiện chưa được công bố Thông báo hàng hải hoặc chưa được đánh dấu trên hải đồ;

c) Các thông tin khác có liên quan đến an toàn hàng hải.

Chương IV QUẢN LÝ BÁO HIỆU HÀNG HẢI

Điều 24. Đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải

1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm tổ chức xây dựng quy hoạch phát triển hệ thống báo hiệu hàng hải trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê

duyet và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt.

2. Việc đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải phải thực hiện theo quy định của Quyết định này và các quy định khác của pháp luật.

3. Công ty bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm:

a) Thực hiện việc đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải theo kế hoạch do Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam giao.

b) Lắp đặt tạm thời các báo hiệu hàng hải phục vụ đột xuất bảo đảm an toàn hàng hải.

4. Tổ chức, cá nhân quản lý khai thác luồng nhánh cảng biển, luồng chuyên dùng và sử dụng các vùng nước sau đây:

a) Vùng khoan thăm dò địa chất, khai thác dầu mỏ, khí đốt;

b) Vùng đánh bắt, nuôi trồng hải sản;

c) Vùng công trình đang thi công;

d) Vùng đặt đường cáp hoặc đường ống ngầm;

đ) Vùng diễn tập quân sự;

e) Vùng đặt hệ thống thu thập dữ liệu hải dương;

g) Vùng giải trí, du lịch, có nghĩa vụ đầu tư xây dựng báo hiệu hàng hải trên các luồng và vùng nước đó.

Điều 25. Thủ tục đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng

1. Chủ đầu tư gửi hồ sơ tới công ty bảo đảm an toàn hàng hải đề nghị đưa báo hiệu hàng hải vào sử dụng. Hồ sơ gồm có:

- a) Văn bản đề nghị;
- b) Thiết kế kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
- c) Bản vẽ hoàn công;
- d) Biên bản nghiệm thu bàn giao;
- đ) Bình đồ khảo sát và rà quét chướng ngại vật luồng hàng hải đối với báo hiệu trên các tuyến luồng hàng hải mới xây dựng.

2. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công ty bảo đảm an toàn hàng hải có trách nhiệm công bố Thông báo hàng hải. Trường hợp chưa đủ điều kiện công bố thì phải có văn bản trả lời cho chủ đầu tư và nêu rõ lý do.

Điều 26. Quản lý vận hành báo hiệu hàng hải

1. Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức quản lý thống nhất báo hiệu hàng hải trong phạm vi cả nước.

2. Công ty bảo đảm an toàn hàng hải trực tiếp quản lý vận hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của báo hiệu hàng hải trong khu vực mình phụ trách.

3. Tổ chức, cá nhân trực tiếp quản lý vận hành và chịu trách nhiệm về hoạt động của báo hiệu hàng hải do tổ chức, cá nhân đó đầu tư xây dựng.

Điều 27. Trách nhiệm của đơn vị quản lý vận hành báo hiệu hàng hải

1. Lập kế hoạch định kỳ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp báo hiệu hàng hải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng báo hiệu hàng hải để các thông số kỹ thuật của báo hiệu luôn phù hợp với Thông báo hàng hải đã công bố.

3. Khi báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch phải khẩn trương tiến hành sửa chữa, khắc phục kịp thời.

4. Kịp thời lập hồ sơ xác định mức độ hư hỏng, mất hoặc sai lệch của báo hiệu hàng hải gửi về cơ quan chức năng để điều tra, xử lý.

5. Hàng quý báo cáo bằng văn bản tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải về Cục Hàng hải Việt Nam theo mẫu quy định tại Phụ lục XIII của Quyết định này.

6. Khi có thay đổi về đặc tính của báo hiệu hàng hải so với Thông báo hàng hải đã công bố, phải thông báo về công ty bảo đảm an toàn hàng hải để xử lý kịp thời.

Điều 28. Bảo vệ báo hiệu hàng hải

1. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm bảo vệ báo hiệu hàng hải.

2. Tổ chức, cá nhân có hành vi phá hoại, lấy cắp hoặc làm hư hỏng báo hiệu hàng hải bị xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong bảo vệ báo hiệu hàng hải được khen thưởng theo quy định.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 29. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và thay thế Quyết định số 49/QĐ-VT ngày 09 tháng 01 năm 1993 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận

tải về Quy tắc báo hiệu hàng hải tại Việt Nam và Quyết định số 349/QĐ-PCHH ngày 28 tháng 6 tháng 1996 của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam về Quy định công bố Thông báo hàng hải.

Điều 30. Tổ chức thực hiện

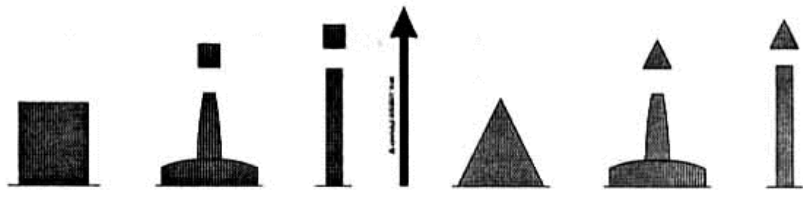
1. Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

BỘ TRƯỞNG

Đào Đình Bình

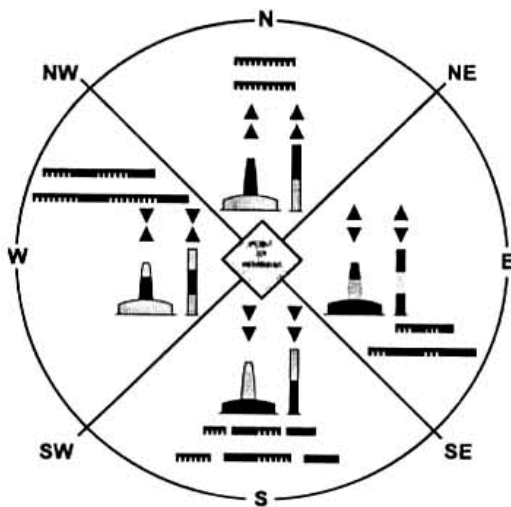
Phụ lục I: Hình dạng, mẫu sắc của báo hiệu hàng hải thị giác



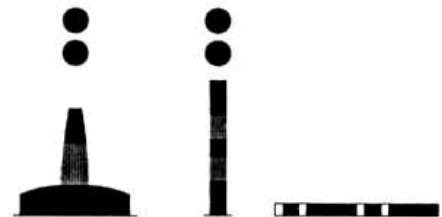
Hình 1: Báo hiệu hai bên luồng



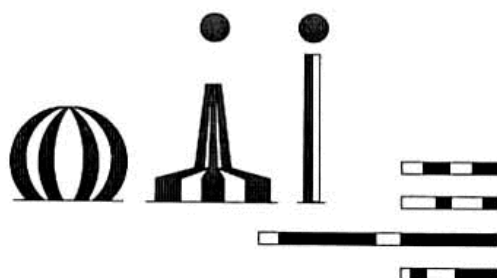
Hình 2: Báo hiệu chuyển hướng luồng



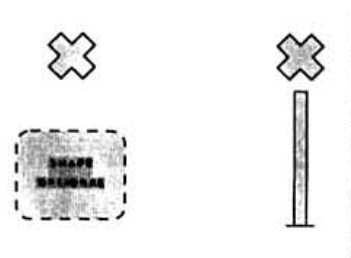
Hình 3: Báo hiệu phương vị



Hình 4: Báo hiệu chương ngại vật biệt lập



Hình 5: Báo hiệu vùng nước an toàn



Hình 6: Báo hiệu chuyên dùng

Phụ lục II: Bảng mã Morse sử dụng cho Racon

Mã Morse	Mã nhận dạng của Racon
B	— — — — —
C	— — — — —
D	— — — — —
G	— — — — —
K	— — — — —
M	— — — — —
N	— — — — —
O	— — — — —
Q	— — — — —
T	— — — — —
X	— — — — —
Y	— — — — —
Z	— — — — —

Phụ lục III: Mẫu TBHH về việc thiết lập mới báo hiệu hàng hải

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về việc thiết lập mới.....(1)

(2)-(3)-(4)-(5)-(6)

Vùng biển :.....

Tên luồng :..... (dành riêng cho báo hiệu dẫn luồng)

Tên báo hiệu :.....

Căn cứ....., Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:.....(1)
được thiết lập mới có các đặc tính như sau:

- Vị trí :.....

- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Tác dụng:.....

1. Báo hiệu thị giác

a) Đặc tính nhận biết ban ngày

- Hình dạng :.....

- Màu sắc :

- Dấu hiệu đỉnh : (nếu có)

- Số hiệu (Chữ hiệu) : (nếu có)

- Chiều cao toàn bộ :m, tính đến.....(7)

- Chiều cao công trình:..... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định)

- Chiều rộng trung bình:..... m (dành riêng cho báo hiệu cố định)

- Tầm nhìn địa lý:..... hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng 5m.

b) Đặc tính ánh sáng ban đêm

09685183

- Đặc tính ánh sáng :
- Phạm vi chiếu sáng :
- Chiều cao tâm sáng :..... m, tính đến..... (7)
- Tầm hiệu lực ánh sáng:..... hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$.

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

a) Racon:

- Dải tần hoạt động :
- Mã tín hiệu nhận dạng :
- Chu kỳ hoạt động :
- Tầm hiệu lực:..... hải lý với radar có công suất phát..... kW, chiều cao ăng ten radar..... m.

b) Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS:.....
- Dải tần hoạt động:
- Số nhận dạng (MMSI):
- Tần suất phát thông tin:
- Tầm hiệu lực:
- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải:.....

3. Báo hiệu âm thanh

- Cường độ phát âm :.....
- Tần số phát âm :.....
- Mã tín hiệu phát âm :.....
- Chu kỳ phát âm :.....
- Tầm hiệu lực âm phát:..... hải lý với tốc độ gió cấp 1.

Ghi chú: Tọa độ theo hệ hải đồ được lấy theo hải đồ hành hải số....., do Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....

Nơi nhận:

.....

Phụ lục IV: Mẫu TBHH về việc thay đổi đặc tính hoạt động của báo hiệu hàng hải

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc thay đổi đặc tính hoạt động.....(1)

(2)-(3)-(4)-(5)-(6)

Vùng biển :

Tên luồng : (dành riêng cho báo hiệu dẫn luồng)

Tên báo hiệu :

Tọa độ địa lý :

Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ....., Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:.....(1) được thay đổi đặc tính như sau:

- Vị trí :

- Tọa độ địa lý:

Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Tác dụng:.....

1. Báo hiệu thị giác

a) Đặc tính nhận biết ban ngày

- Hình dạng :

- Màu sắc :

- Dấu hiệu đỉnh : (nếu có)
- Số hiệu (Chữ hiệu) : (nếu có)
- Chiều cao toàn bộ :m, tính đến.....(7)
- Chiều cao công trình:..... m, tính đến mặt đất (dành riêng cho báo hiệu cố định)
- Chiều rộng trung bình:..... m (dành riêng cho báo hiệu cố định)
- Tầm nhìn địa lý:..... hải lý với chiều cao của mắt người quan sát bằng 5m.

b) Đặc tính ánh sáng ban đêm

- Đặc tính ánh sáng:.....
- Phạm vi chiếu sáng:.....
- Chiều cao tâm sáng:..... m, tính đến..... (7)
- Tầm hiệu lực ánh sáng:..... hải lý với hệ số truyền quang của khí quyển $T = 0,74$.

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

a) Racon:

- Dải tần hoạt động :.....
- Mã tín hiệu nhận dạng :.....
- Chu kỳ hoạt động :.....
- Tầm hiệu lực:..... hải lý với radar có công suất phát..... kW, chiều cao ăng ten radar..... m.

b) Báo hiệu hàng hải AIS:

- Loại báo hiệu hàng hải AIS:.....
- Dải tần hoạt động:.....
- Số nhận dạng (MMSI):.....
- Tần suất phát thông tin:.....
- Tầm hiệu lực:.....
- Thông tin truyền phát về báo hiệu hàng hải:.....

3. Báo hiệu âm thanh

- Cường độ phát âm :.....
- Tần số phát âm :.....
- Mã tín hiệu phát âm :.....
- Chu kỳ phát âm :.....
- Tầm hiệu lực âm phát:..... hải lý với tốc độ gió cấp 1.

Ghi chú: 1. Các đặc tính khác của báo hiệu không thay đổi (tham khảo Thông báo hàng hải số..... ngày.....)

2. Tọa độ theo hệ hải đồ được lấy theo hải đồ hàng hải số....., do Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....
.....

Nơi nhận:

.....

Ghi chú: Trong mẫu Phụ lục 2 này chỉ thông báo những đặc tính được thay đổi so với Thông báo hàng hải trước đó, những đặc tính nào không thay đổi thì không thông báo lại.

0968.183

Phụ lục V: Mẫu TBHH về việc tạm ngừng hoạt động của báo hiệu hàng hải

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc tạm ngừng hoạt động.....(1)

(2)-(3)-(4)-(5)-(6)

Vùng biển :.....

Tên luồng :..... (dành riêng cho báo hiệu dẫn luồng)

Tên báo hiệu :.....

Tọa độ địa lý :

Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ....., Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:
Do..... (8),..... (1) đã tạm ngừng hoạt động từ ngày.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....
.....
.....

Nơi nhận:

.....
.....
.....

Phụ lục VI: Mẫu TBHH về việc phục hồi hoạt động của báo hiệu hàng hải

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc phục hồi hoạt động..... (1)

(2)-(3)-(4)-(5)-(6)

Vùng biển :

Tên luồng : (dành riêng cho báo hiệu dẫn luồng)

Tên báo hiệu :

Tọa độ địa lý :

Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

Căn cứ....., Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:..... (1) đã được phục hồi hoạt động theo đúng các đặc tính đã thông báo hàng hải.

Thông báo hàng hải số..... ngày..... (9) không còn hiệu lực.

Nơi nhận:

.....
.....
.....

Phụ lục VII: Mẫu TBHH về việc chấm dứt hoạt động của báo hiệu hàng hải

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về việc chấm dứt hoạt động.....(1)

(2)-(3)-(4)-(5)-(6)

Vùng biển :

Tên luồng : (dành riêng cho báo hiệu dẫn luồng)

Tên báo hiệu :

Tọa độ địa lý :

Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

..... (10), Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:..... (1)
được chấm dứt hoạt động từ ngày.....

Nơi nhận:

.....

.....

.....

Phụ lục VIII: Mẫu TBHH về độ sâu luồng hàng hải

**CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Độ sâu luồng hàng hải.....(11)**

(1)-(5)-(6)

Vùng biển :.....

Tên luồng :

Căn cứ bình đồ độ sâu luồng..... (11) do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải..... đo đạc và hoàn thành ngày....., Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:

Trong phạm vi đáy luồng hàng hải rộng..... m, được giới hạn và hướng dẫn bởi hệ thống báo hiệu hàng hải, độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số..... tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt..... m.

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....
.....
.....

Nơi nhận:

.....
.....
.....

Ghi chú: 1. Có thể thông báo độ sâu của từng đoạn luồng trên một tuyến luồng
2. Nếu trên một đoạn luồng có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung trên toàn tuyến, nếu xét thấy không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và công bố rõ tọa độ các điểm có độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu được công bố.

Phụ lục IX: Mẫu TBHH về độ sâu các khu nước hàng hải

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Độ sâu.....(12)

(1)-(5)-(6)

Vùng biển :.....

Căn cứ bình đồ độ sâu..... (11) do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải..... đo đạc và hoàn thành ngày....., Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:

Trong phạm vi đáy khu nước được giới hạn bởi các điểm:

STT ĐIỂM	Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1						
2						
...						

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số..... kHz tính đến mực nước “số 0 hải đồ” đạt..... m.

Ghi chú: Tọa độ theo hệ hải đồ được lấy theo hải đồ hàng hải số....., do Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....
.....

Nơi nhận:

.....
.....
.....

Ghi chú: Nếu trong khu vực có các điểm độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu chung trong toàn khu vực, nếu xét thấy không ảnh hưởng đến an toàn hàng hải thì có thể công bố độ sâu lớn hơn và công bố rõ tọa độ các điểm có độ sâu cục bộ nhỏ hơn độ sâu được công bố.

Phụ lục X: Mẫu TBHH về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

Về chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện

(1)-(5)-(6)

Vùng biển :

Tên luồng : (nếu chướng ngại vật nằm trên luồng)

Căn cứ.....(13), Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:

Tại..... tồn tại chướng ngại vật nguy hiểm là..... (14)

- Tọa độ địa dư:

Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ

- Vị trí chướng ngại vật nằm cách..... (15)..... hải lý về hướng..... độ (16).

- Cao độ của chướng ngại vật..... m tính đến mực nước “số 0 hải đồ”.

Ghi chú: Tọa độ theo hệ hải đồ được lấy theo hải đồ hành hải số....., do Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....
.....
.....

Nơi nhận:

.....
.....
.....

09.585.183

Phụ lục XI: Mẫu TBHH về các khu vực chuyên dùng

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY BẢO ĐẢM AN TOÀN
HÀNG HẢI...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TBHH-CTBDATHH...

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO HÀNG HẢI
Về khu vực chuyên dùng.....(17)

(1)-(5)-(6)

Vùng biển :.....

Căn cứ.....(18), Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải..... thông báo:

Khu vực chuyên dùng..... (17) được giới hạn bởi các điểm:

STT ĐIỂM	Hệ VN-2000		Hệ Hải đồ		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
1						
2						
...						

- Thời gian hoạt động: Từ ngày..... đến ngày.....

Ghi chú: Tọa độ theo hệ hải đồ được lấy theo hải đồ hàng hải số....., do Hải quân nhân dân Việt Nam xuất bản năm.....

HƯỚNG DẪN HÀNG HẢI (NẾU CẦN)

.....
.....
.....

Nơi nhận:

.....
.....
.....

Phụ lục XII: Các ghi chú từ Phụ lục III đến Phụ lục XI

(1) Tên báo hiệu hàng hải, đối với báo hiệu dẫn luồng phải nêu cả tên luồng được bố trí báo hiệu hàng hải đó sau tên báo hiệu.

(2) Mã hiệu vùng biển:

Quảng Ninh	QNH	Bình Định	BDH
Hải Phòng	HPG	Phú Yên	PYN
Thái Bình	TBH	Khánh Hòa	KHA
Nam Định	NĐH	Ninh Thuận	NTN
Ninh Bình	NBH	Bình Thuận	BTN
Thanh Hóa	THA	Bà Rịa - Vũng Tàu	VTU
Nghệ An	NAN	Tp. Hồ Chí Minh	HCM
Hà Tĩnh	HTH	Long An	LAN
Quảng Bình	QBH	Tiền Giang	TGG
Quảng Trị	QTI	Bến Tre	BTE
Thừa Thiên - Huế	HUE	Trà Vinh	TVH
Đà Nẵng	DNG	Sóc Trăng	STG
Quảng Nam	QNM	Cà Mau	CMU
Quảng Ngãi	QNI	Bạc Liêu	BLU
		Kiên Giang	KGG

(3) Loại báo hiệu: Báo hiệu thị giác : TG
Báo hiệu vô tuyến điện : VT
Báo hiệu âm thanh : AT

(4) Cấp báo hiệu: Chỉ dành riêng cho đèn biển

Cấp I : A
Cấp II : B
Cấp III : C

(5) Số thứ tự của Thông báo hàng hải trong vùng biển tính từ ngày đầu năm

(6) Năm thông báo.

(7) Đối với báo hiệu cố định được tính đến mực nước “số 0 hải đồ”, đối với báo hiệu nổi được tính đến mặt nước biển.

- (8) Nêu nguyên nhân dẫn đến việc báo hiệu phải tạm ngừng hoạt động.
- (9) Nêu số thông báo hàng hải và ngày phát hành thông báo hàng hải về việc tạm ngừng hoạt động của báo hiệu đó.
- (10) Nêu nguyên nhân dẫn đến việc chấm dứt hoạt động của báo hiệu.
- (11) Nêu tên luồng được thông báo hàng hải
- (12) Nêu tên khu vực được thông báo hàng hải
- (13) Nêu căn cứ xác định chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện
- (14) Nêu loại chướng ngại vật nguy hiểm mới phát hiện
- (15) Nêu mục tiêu cố định gần đó có tọa độ đã được xác định trên hải đồ hoặc đã được công bố rộng rãi.
- (16) Nêu phương vị thực từ mục tiêu cố định (15) đến chướng ngại vật.
- (17) Nêu tên khu vực chuyên dùng
- (18) Nêu căn cứ để công bố thông báo hàng hải khu vực chuyên dùng.

**Phụ lục XIII: Mẫu báo cáo định kỳ tình trạng hoạt động
của báo hiệu hàng hải**

.....
.....
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
TÌNH TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA BÁO HIỆU HÀNG HẢI
DO..... (TÊN ĐƠN VỊ) QUẢN LÝ

Kính gửi: CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM

Thực hiện Quyết định số...../2005/QĐ-BGTVT ngày..... của Bộ trưởng Bộ
Giao thông vận tải về báo hiệu hàng hải;

.....(tên đơn vị) báo cáo định kỳ tình hình hoạt động của báo hiệu hàng hải
do đơn vị quản lý như sau:

I. Kỳ báo cáo: Từ ngày..... đến ngày.....

II. Tình trạng hoạt động của báo hiệu:

1. Báo hiệu thị giác:

a) Đèn biển, đăng tiêu độc lập và chấp tiêu:

Số thứ tự	Tên báo hiệu	Đặc tính ánh sáng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
.....				

b) Báo hiệu luồng hàng hải:

Số thứ tự	Tên báo hiệu	Tác dụng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				

Số thứ tự	Tên báo hiệu	Tác dụng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
2				
3				
...				

2. Báo hiệu vô tuyến điện:

Số thứ tự	Tên báo hiệu	Mã tín hiệu nhận dạng	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
...				

3. Báo hiệu âm thanh:

Số thứ tự	Tên báo hiệu	Mã tín hiệu phát âm	Tình trạng hoạt động	Ghi chú (nêu những thay đổi so với lần báo cáo trước)
1				
2				
3				
...				